

Số/No: 69/2026/BC/HĐQTMSH

Ninh Bình, ngày 30 tháng 07 năm 2026
Ninh Bình, July 30th 2026

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
(6 tháng đầu năm 2026)
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(First 6 months of 2026)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

To: - The State Securities Commission;
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty Cổ phần May Sông Hồng/Song Hong Garment Joint Stock Company

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 105 Đường Nguyễn Đức Thuận, P. Nam Định, Tỉnh Ninh Bình/No. 105 Nguyen Duc Thuan Street – Nam Dinh Ward – Ninh Binh Province

- Điện thoại/Telephone: 0228 3649 365 Fax: Email: info@songhong.vn

- Vốn điều lệ/Charter capital: 1 125 210 200 000 VNĐ

- Mã chứng khoán/Stock symbol: MSH

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị./General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director and Audit Committee under the Board of Directors.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/The implementation of internal audit: Đã triển khai/Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

STT No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH	25/04/2026 April 25, 2026	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2026

II. Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2026)/Board of Directors (2026 semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029 (HĐQT)/Information

about the members of the Board of Directors for the period of 2024-2029:

STT No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)/Position (Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors		Ghi chú/ Note
			Ngày bổ nhiệm/ Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal	
1	Bùi Đức Thịnh Mr. Bui Duc Thinh	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board	27/04/2024 April 27, 2024	-	
2	Bùi Thu Hà Ms. Bui Thu Ha	Thành viên HĐQT không điều hành Non-executive members of the Board of Directors	27/04/2024 April 27, 2024	-	
3	Bùi Việt Quang Mr. Bui Viet Quang	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Standing Vice Chairman of the Board of Directors	27/04/2024 April 27, 2024	-	Bổ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kể từ 06/01/2026 Appointment of the Standing Vice Chairman of the Board of Directors, effective from January 6, 2026.
4	Nguyễn Mạnh Tường Mr. Nguyen Manh Tuong	Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors	27/04/2024 April 27, 2024	-	
5	Lê Thị Hồng Yến Ms. Le Thi Hong Yen	Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors	27/04/2024 April 27, 2024	-	
6	Đinh Tráng Thi Mr. Dinh Trang Thi	Thành viên HĐQT độc lập Independent member of the Board of Directors	27/04/2024 April 27, 2024	-	
7	Nguyễn Thị Hạnh Ms. Nguyen Thi Hanh	Thành viên HĐQT không điều hành Non-executive members of the Board of Directors	27/04/2024 April 27, 2024	-	
8	Lee Ka Wai Mr. Lee Ka Wai	Thành viên HĐQT độc lập Independent member of the Board of Directors	26/04/2025 April 26, 2025	-	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT/Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Bùi Đức Thịnh Mr. Bui Duc Thinh	4/4	100%	
2	Bùi Thu Hà Ms. Bui Thu Ha	4/4	100%	
3	Bùi Việt Quang Mr. Bui Viet Quang	4/4	100%	
4	Nguyễn Mạnh Tường Mr. Nguyen Manh Tuong	4/4	100%	
5	Lê Thị Hồng Yến	4/4	100%	

	<i>Ms. Le Thi Hong Yen</i>			
6	<i>Đinh Trảng Thi</i> <i>Mr. Dinh Trang Thi</i>	4/4	100%	
7	<i>Nguyễn Thị Hạnh</i> <i>Ms. Nguyen Thi Hanh</i>	4/4	100%	
8	<i>Lee Ka Wai</i> <i>Mr. Lee Ka Wai</i>	4/4	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc (TGD) và Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong 6 tháng đầu năm 2026 như sau/ *Based on the Company's Charter and the Corporate Governance Regulations, the Board of Directors (BOD) conducted the monitoring and supervision of the General Director (CEO) and the Management in managing production and business operations and implementing the resolutions of the General Meeting of Shareholders (GMS) and the BOD during the first six months of 2026 as follows::*

3.1. Phương thức giám sát/*Supervision Method*

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt./*In addition to discussing and exchanging views at regular meetings with the CEO, the Board of Directors (BOD) also frequently communicates via email and phone about the implementation of the business plan and the resolutions of the BOD, as well as the goals approved by the General Shareholders' Meeting.*

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân nhằm thực hiện công tác giám sát theo quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT đã ban hành./*The BOD has closely coordinated with the Audit Committee and assigned specific tasks to individuals in order to carry out supervision in accordance with the regulations in the Operational Charter of the Audit Committee that has been issued.*

3.2. Kết quả giám sát/*Supervision Results*

Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Ủy ban kiểm toán được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán vì quyền lợi của cổ đông công ty./*As a result of strictly following the procedures and processes, along with the coordination between the BOD, the Executive Board, and the Audit Committee, the business operations of the Executive Board were not hindered. The supervision by the BOD and the Audit Committee was maintained regularly and tightly, ensuring that the company's activities adhered to the resolutions of the BOD. It also ensured corporate governance in line with the ethical standards and professional conduct of the BOD members, the Executive Board, and the Audit Committee for the benefit of the company's shareholders.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees:*

Ủy ban Kiểm toán đã tuân thủ và thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được ban hành. Ủy ban Kiểm toán tổ chức họp 01 lần vào ngày 30/06/2026./*The Audit Committee has complied with and carried out its duties in accordance with the internal corporate governance regulations that have been issued. The Audit Committee held 01 meeting on June 30, 2026.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors:*

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	02/2026/NQ/HĐQT-MSH	06/01/2026 <i>January 01, 2026</i>	NQ HĐQT thông qua: 1. Miễn nhiệm chức danh TGD đối với ông Bùi Việt Quang. 2. Bổ nhiệm ông Franck Lignini giữ chức vụ TGD Cty CP May Sông Hồng. 3. Bổ nhiệm ông Bùi Việt Quang giữ chức vụ Phó chủ tịch thường trực HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc Cty CP May Sông Hồng. 4. Bổ nhiệm bà Bùi Thu Hà giữ chức vụ Tổng giám đốc tại Cty CP May Sông Hồng - Nghĩa Hưng. 5. Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ tại Cty CP May Sông Hồng - Nghĩa Hưng với mức tăng vốn dự kiến là 50 tỷ đồng, trong đó Cty CP May Sông Hồng tiếp tục duy trì tỷ lệ sở hữu tương đương 51% vốn điều lệ tại Cty CP May Sông Hồng - Nghĩa Hưng. 6. Thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty CP May Sông Hồng tại Cty liên doanh Cty Sản xuất Trang phục Golden Avenue và giao Ban TGD thực hiện tìm đối tác chuyển nhượng và trình HĐQT phương án triển khai các công việc liên quan. <i>The BOD Resolution on:</i> 1. Dismissal of Mr. Bui Viet Quang from the position of General Director. 2. Appointment of Mr. Franck Lignini to the position of General Director of Song Hong Garment Joint Stock Company 3. Appointment of Mr. Bui Viet Quang to the position of Standing Vice Chairman of the Board of Directors, concurrently holding the position of Deputy General Director of Song Hong Garment Joint Stock Company 4. Appointment of Ms. Bui Thu Ha to the position of General Director of Song Hong – Nghia Hung Garment Joint Stock Company 5. Approval of the Policy on raising the charter capital of Song Hong – Nghia Hung Garment Joint Stock Company with an proposed increase of VND 50,000,000,000, whereby Song Hong Garment Joint Stock Company continues to maintain an ownership ratio of 51% of the charter capital of Song Hong – Nghia Hung Garment Joint Stock Company 6. Approval of the Policy on the transfer of the entire capital contribution of Song Hong Garment Joint Stock Company in the Golden Avenue Apparel Manufacturing Joint Venture	100%

			<i>Company, and assignment of the Board of General Directors to seek transferees and submit the implementation plan to the Board of Directors for approval</i>	
2	27/2026/NQ/HĐQT-MSH	04/03/2026 March 4, 2026	NQ HĐQT thông qua: - Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV và cả năm 2025, một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026. - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. - Quyết định các vấn đề dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét, thông qua. - Thông qua báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ năm 2025 và kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 của Ban kiểm toán nội bộ. <i>The BOD Resolution on:</i> - Approval of the production and business results for the Fourth Quarter and the full year 2025, planned targets for 2026 - Approval of the plan for organizing the 2026 Annual General Meeting of Shareholders - Decision on the proposed issues to be submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders for review and approval - Thông qua Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ năm 2025 và kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 của Ban kiểm toán nội bộ	100%
3	46/2026/NQ/HĐQT-MSH	06/05/2026 May 06, 2026	NQ HĐQT thông qua: - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính quý 1 năm 2026 - Chi trả cổ tức năm 2025 đợt 2 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phiếu <i>The BOD Resolution on:</i> - The business performance results and financial position for Quarter 1/2026 - The payment of the 2nd cash dividend for 2025 at the rate of 10% of par value	100%
4	55/2026/NQ/HĐQT-MSH	01/06/2026 June 01, 2026	NQ HĐQT thông qua: - Bãi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của ông Nguyễn Mạnh Tường. - Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thanh Nhân & ông Nguyễn Ngọc Khuyển giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc. <i>The BOD Resolution on:</i> - The dismissal of Mr. Nguyen Manh Tuong from the position of Deputy General Director - The appointment of Ms Nguyen Thi Thanh Nhan and Mr. Nguyen Ngoc Khuyen to the position of Deputy General Director	100%

III. Ủy ban Kiểm toán/Audit Committee

1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/Information about members of Audit Committee:

STT No.	Thành viên Ủy ban Kiểm toán Members of Audit	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán The date becoming the	Ngày không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn Qualification
---------	---	---------------------	--	---	--------------------------------------

	<i>Committee</i>		<i>member of the Audit Committee</i>	<i>The date ceasing to be the member of the Audit Committee</i>	
1	Lee Ka Wai <i>Mr. Lee Ka Wai</i>	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán <i>Chairman of the Audit Committee</i>	14/07/2025 July 14, 2025	-	Đại học <i>University Degree</i>
2	Nguyễn Thị Hạnh <i>Ms. Nguyen Thi Hanh</i>	Thành viên <i>Member</i>	16/03/2019 March 16, 2019	-	Đại Học <i>University Degree</i>
3	Đinh Trảng Thi <i>Mr. Dinh Trang Thi</i>	Thành viên <i>Member</i>	16/03/2019 March 16, 2019	-	Đại học <i>University Degree</i>

2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán/*Meetings of Audit Committee*

STT No.	Thành viên Ủy ban Kiểm toán/ <i>Members of Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
2	Nguyễn Thị Hạnh <i>Ms. Nguyen Thi Hanh</i>	1/1	100%	100%	
3	Đinh Trảng Thi <i>Mr. Dinh Trang Thi</i>	1/1	100%	100%	
4	Lee Ka Wai <i>Mr. Lee Ka Wai</i>	1/1	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Audit Committee:*

- Ủy ban Kiểm toán tiếp xúc và làm việc với các bên liên quan theo định kỳ hàng quý để giám sát các kế hoạch thực hiện, định hướng hoạt động kiểm soát trong kỳ, rà soát, soát xét và trao đổi các hướng xử lý những vấn đề phát sinh./*The Audit Committee meets and works with relevant parties on a quarterly basis to monitor the implementation of plans, orient controlling activities during the period, review and discuss solutions to handle problems arise during the year.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

HĐQT, Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán để ủy ban hoàn thành nhiệm vụ được giao./*The Board of Directors, the Management Board, and other management personnel work closely with the Audit Committee to ensure the committee fulfills its assigned tasks.*

5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Audit Committee (if any): Không có./None.*

IV. Ban điều hành/*Board of Management*

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of dismissal of members of the Board of Management</i>	Ngày miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Mr. Franck Lignini	Tổng Giám đốc <i>General</i>	25/05/1964 May 25, 1964	Thạc sỹ kinh tế/ <i>Master's</i>	06/01/2026 January 06, 2026	-

		<i>Director</i>		<i>Degree in Economics</i>		
2	Bùi Việt Quang <i>Mr. Bui Viet Quang</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	29/05/1978 <i>May 29, 1978</i>	Thạc sỹ kinh tế/ <i>Master's Degree in Economics</i>	06/01/2026 <i>January 06, 2026</i>	-
3	Nguyễn Mạnh Tường <i>Mr. Nguyen Manh Tuong</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	22/06/1971 <i>June 22, 1971</i>	Đại học/ <i>University Degree</i>	29/05/2009 <i>May 29, 2009</i>	01/06/2026 <i>June 01, 2026</i>
4	Nguyễn Thị Thanh Nhân <i>Ms. Nguyen Thi Thanh Nhan</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	10/01/1980 <i>January 10, 1980</i>	Đại học/ <i>University Degree</i>	01/06/2026 <i>June 01, 2026</i>	-
5	Nguyễn Ngọc Khuyên <i>Mr. Nguyen Ngoc Khuyen</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	15/05/1970 <i>May 15, 1970</i>	Đại học/ <i>University Degree</i>	01/06/2026 <i>June 01, 2026</i>	-

V. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
Vũ Thị Tuyết Mai <i>Ms. Vu Thi Tuyet Mai</i>	25/08/1985 <i>August 25, 1985</i>	Đại học <i>University Degree</i>	31/03/2023 <i>March 31, 2023</i>	-

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, General Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

- Đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty ở các năm trước/*Participated in training courses on corporate governance in previous years.*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (6 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (2026 Semi-Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/*Note: NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

Danh sách đính kèm/*Attached List*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
1	Bùi Đức Thịnh		Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the Board</i>	036047002232				27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		26.901.180	23,91%	Bổ nhiệm bởi ĐHCĐ/ Appointment by GMS
1.01	Phạm Thị Cúc		Vợ Chủ tịch HĐQT/ <i>Wife</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.02	Bùi Thu Hà		Con gái/ <i>Daughter</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		8.692.110	7,72%	
1.03	Bùi Việt Quang		Con trai/ <i>Son</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		12.768.840	11,35%	
1.04	Trần Thị Thương		Con dâu/ <i>Daughter-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27,</i>		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percentage of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
								2024				
1.05	Bùi Hải Yến		Con gái/ <i>Daughter</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.06	Bùi Xuân Hường		Anh trai/ <i>Brother</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.07	Trần Thị Hường		Chị dâu/ <i>Sister-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.08	Phạm Thị Nga		Chị dâu/ <i>Sister-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.09	Bùi Thị Mùi		Chị gái/ <i>Sister</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.10	Lê Ngọc Bách		Anh rể/ <i>Brother-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.11	Bùi Đình Chí		Em trai/ <i>Brother</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.12	Đoàn Thị Hằng		Em dâu/ <i>Sister-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
1.13	Công ty Cổ phần Mây Sông Hồng – Nghĩa Hưng/ <i>Song</i>		Tổ chức có liên quan của CT HĐQT/					Thông tin như tại mục 12/		Thông tin như tại mục 12/	Thông tin như tại mục 12/	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
	<i>Hong – Nghia Hung Garment Joint Stock Company</i>		<i>Affiliated company of the Chairman of the Board</i>					Information as in item 12		Information as in item 12	12/ Information as in item 12	
1.14	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường/ <i>Song Hong – Xuan Truong Garment Joint Stock Company</i>		Tổ chức có liên quan của CT HĐQT/ <i>Affiliated company of the Chairman of the Board</i>					Thông tin như tại mục 13/ Information as in item 13		Thông tin như tại mục 13/ Information as in item 13	Thông tin như tại mục 13/ Information as in item 13	
2	Bùi Việt Quang		Phó CT thường trực HĐQT, Phó TGĐ/ <i>Standing Vice Chairman of the Board of Directors, Deputy General Director</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		12.768.840	11,35%	Bổ nhiệm bởi ĐH ĐC Đ/ Ap point me nt by G MS
2.01	Trần Thị Thương		Vợ/ Wife					27/04/2024 <i>April 27,</i>		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
								2024				
2.02	Bùi Trần Quang Minh		Con/ Son					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
2.03	Bùi Trần Hoàng Minh		Con/ Son					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
2.04	Bùi Đức Thịnh		Bố đẻ/ Father					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		26.901.180	23,91%	
2.05	Phạm Thị Cúc		Mẹ đẻ/ Mother					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
2.06	Bùi Thu Hà		Chị gái/ Sister					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		8.692.110	7,72%	
2.07	Bùi Hải Yến		Em gái/ Sister					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
2.08	Công ty CP Sông Hồng BSS Logistics/ <i>Song Hong BSS Logistics Joint Stock Company</i>		Tổ chức có liên quan/ <i>Affiliated Company</i>					Thông tin như tại mục 14/ <i>Information as in item 14</i>		Thông tin như tại mục 14/ <i>Information as in item 14</i>	Thông tin như tại mục 14/ <i>Information as in item 14</i>	
2.09	Công ty CP Phụ liệu Máy Sông Hồng/		Tổ chức có liên quan/ <i>Affiliated</i>					10/11/2025/ <i>November</i>		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percentage of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
	Song Hong Garment Accessories Joint Stock Company		Company					10, 2025				
3	Lê Thị Hồng Yến		TV, HĐQT, GĐTC/ <i>Member of the Board of Directors, CFO</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		510.300	0,45%	Bổ nhiệm bởi ĐH ĐC Đ/ Ap point ment by G MS
3.01	Vũ Mạnh Tường		Chồng/ <i>Husband</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		2.300.400	2,04%	
3.02	Vũ Lê Tùng		Con/ <i>Son</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
3.03	Vũ Yến Trang		Con/ <i>Daughter</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
3.04	Tô Hiệu (Lê Hải)		Bố đẻ/ <i>Father</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
3.05	Lê Thanh Thủy		Chị gái/ <i>Sister</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
3.06	Lê Ngọc Thành		Anh rể/ <i>Brother-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
3.07	Lê Thị Kim Chung		Chị gái/ <i>Sister</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
3.08	Đình Văn Nhu		Anh rể/ <i>Brother-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
3.09	Lê Minh Lý		Chị gái/ <i>Sister</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
3.10	Lê Minh Chiến		Anh trai/ <i>Brother</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
4	Nguyễn Mạnh Tường		TV. HĐQT/ <i>Member of the Board of Directors</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		1.950.000	1,73%	Bổ nhiệm bởi ĐH ĐC Đ/

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
												Appoint ment by GMS
4.01	Nguyễn Thị Bích Hải		Vợ/ <i>Wife</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
4.02	Nguyễn Tuấn Linh		Con trai/ <i>Son</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
4.03	Nguyễn Thị Vân Anh		Con gái/ <i>Daughter</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
4.04	Bùi Thị Phú		Mẹ kế/ <i>Stepmother</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
4.05	Nguyễn Trung Duyên		Anh Trai/ <i>Brother</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
4.06	Hoàng Thị Bích Hợp		Chị dâu/ <i>Sister-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
4.07	Đoàn Lệ Thủy		Chị dâu/					27/04/2024		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percentage of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
			Sister-in-law					April 27, 2024				
5	Bùi Thu Hà		TV HĐQT/ Member of the Board of Directors					27/04/2024 April 27, 2024		8.692.110	7,72%	Bổ nhiệm bởi ĐH ĐC Đ/ Appointment by GMS
5.01	Trần Hoàng Tuệ Linh		Con/ Daughter					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
5.02	Bùi Đức Thịnh		Bố đẻ/ Father					27/04/2024 April 27, 2024		26.901.180	23,91%	
5.03	Phạm Thị Cúc		Mẹ đẻ/ Mother					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
5.04	Bùi Việt Quang		Em trai/ Brother					27/04/2024 April 27,		12.768.840	11,35%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
								2024				
5.05	Trần Thị Thương		Em dâu/ <i>Sister-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
5.06	Bùi Hải Yến		Em gái/ <i>Sister</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
5.07	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng/ <i>Song Hong – Nghia Hung Garment Joint Stock Company</i>		Tổ chức có liên quan/ <i>Affiliated company</i>					Thông tin như tại mục 12/ <i>Information as in item 12</i>		Thông tin như tại mục 12/ <i>Information as in item 12</i>	Thông tin như tại mục 12/ <i>Information as in item 12</i>	
5.08	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường/ <i>Song Hong – Xuan Truong Garment Joint Stock Company</i>		Tổ chức có liên quan/ <i>Affiliated company</i>					Thông tin như tại mục 13/ <i>Information as in item 13</i>		Thông tin như tại mục 13/ <i>Information as in item 13</i>	Thông tin như tại mục 13/ <i>Information as in item 13</i>	
6	Nguyễn Thị Hạnh		TV HĐQT/ <i>Member of the Board of Directors</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	Bổ nhiệm bởi ĐH ĐC Đ/

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
												Appoint ment by GMS
6.01	Nguyễn Song Toàn		Chồng/ <i>Husband</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
6.02	Nguyễn Văn Đường		Bố đẻ/ <i>Father</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
6.03	Phạm Thị Láng		Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
6.04	Nguyễn Thu Hương	058C210970	Chị gái/ <i>Sister</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		6.000	0.01%	
6.05	Lê Văn Thái	058C100460	Anh Rê/ <i>Brother-in-law</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		135.000	0,12%	
6.06	Nguyễn thị Minh Hằng		Chị gái/ <i>Sister</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	
6.07	Nguyễn Văn Trọng		Con/ <i>Son</i>					27/04/2024		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
	Đăng							April 27, 2024				
6.08	CTCP Chứng khoán FPT/ FPT Securities JSC		Tổ chức có liên quan của TV HĐQT/ <i>Affiliated Company of Member of the Board</i>					27/04/2024 April 27, 2024		12.000.000	10.66%	
7	Vũ Thị Tuyết Mai		Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>					31/03/2023 March 31, 2023		0	0%	Bổ nhiệm/ Appointment
07.01	Trần Bá Anh		Chồng/ <i>Husband</i>					31/03/2023 March 31, 2023		0	0%	
7.02	Đỗ Thị Điều		Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					31/03/2023 March 31, 2023		0	0%	
7.03	Trần Bá Thòa		Bố chồng/ <i>Father-in-law</i>					31/03/2023 March 31, 2023		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
7.04	Đỗ Thị Hòa		Mẹ chồng/ <i>Mother-in-law</i>					31/03/2023 <i>March 31, 2023</i>		0	0%	
7.05	Trần Bá Anh Vũ		Con trai/ <i>Son</i>					31/03/2023 <i>March 31, 2023</i>		0	0%	
7.06	Trần Thị Mai Chi		Con gái/ <i>Daughter</i>					31/03/2023 <i>March 31, 2023</i>		0	0%	
7.07	Vũ Trung Hiếu		Em trai/ <i>Brother</i>					31/03/2023 <i>March 31, 2023</i>		0	0%	
7.08	Nguyễn Anh Phương		Anh rể/ <i>Brother-in-law</i>					31/03/2023 <i>March 31, 2023</i>		0	0%	
7.09	Trần Thị Kim Thoa		Chị chồng/ <i>Sister-in-law</i>					31/03/2023 <i>March 31, 2023</i>		0	0%	
7.10	Trần Thị Bích Thuận		Chị chồng/ <i>Sister-in-law</i>					31/03/2023 <i>March 31, 2023</i>		0	0%	
8	Lee Ka Wai		Thành viên HĐQT độc lập/ <i>Independence Member of the Board of Directors</i>					26/04/2025 <i>April 26, 2025</i>		0	0%	Bổ nhiệm bởi ĐH ĐC Đ/

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
												Appoint ment by GMS
8.01	Ho Wai Sheung		Vợ/ <i>Wife</i>					26/04/2025 <i>April 26, 2025</i>		0	0%	
9	Đinh Tràng Thi		Thành viên HĐQT độc lập/ <i>Independence Member of the Board of Directors</i>					27/04/2024 <i>April 27, 2024</i>		0	0%	Bổ nhiệm bởi ĐH ĐC Đ/ Ap point me nt by G MS
9.01	Phạm Hoàng Anh		Vợ/ <i>Wife</i>					27/04/2024		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/Ghi chú <i>Reason/Note</i>
								April 27, 2024				
9.02	Đình Danh Thái		Con trai/ Son					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
9.03	Đình Anh Thư		Con Gái/ Daughter					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
9.04	Phan Thị Liên		Mẹ ruột/ Mother					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
9.05	Đình Thị Hoài Chinh		Chị Gái/ Sister					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
9.06	Đình Quang Chiến		Anh Trai/ Brother					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
9.07	Đình Chí Thiện		Anh Trai/ Brother					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
9.08	Đình Thị Thu Linh		Em gái/ Sister					27/04/2024 April 27, 2024		0	0%	
10	Vũ Thị Minh Phương		Phụ trách QTCT/ Corporate Governance Officer					19/06/2024 June 19, 2024		0	0%	Bổ nhiệm/ Appointment

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percentage of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
												nt me nt
10.01	Trần Đức Vân		Chồng/ <i>Husband</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	
10.02	Vũ Đình Phùng		Bố đẻ/ <i>Father</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	
10.03	Đàm Thị Liên		Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	
10.04	Trần Minh Khôi		Con trai/ <i>Son</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	
10.05	Trần Thái Khuê		Con trai/ <i>Son</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	
10.06	Vũ Đình Phong		Em trai/ <i>Brother</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	
10.07	Hoàng Thị Yên		Em dâu/ <i>Sister-in-law</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	
10.08	Vũ Thị Minh Phượng		Em gái/ <i>Sister</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
10.09	Ninh Quốc Đàm		Em rể/ <i>Brother-in-law</i>					19/06/2024 <i>June 19, 2024</i>		0	0%	
11	Franck Lignini		Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>					06/01/2026 <i>January 06, 2026</i>		0	0%	Bổ nhiệm bởi ĐH ĐC Đ/ Ap point me nt by G MS
11.01	Alice RIOUX		Mẹ đẻ/ Mother					06/01/2026 <i>January 06, 2026</i>		0	0%	
12	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng/ <i>Song Hong – Nghia Hung Garment Joint Stock Company</i>		Công ty con/ Subsidiary company, Tổ chức có liên quan của CT HĐQT/ <i>Affiliated</i>					01/02/2019 <i>February 01, 2019</i>		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
			<i>company of the Chairman of the Board</i>									
12.01	Bùi Đức Thịnh		Người đại diện theo pháp luật của Công ty con/ Legal representative of Subsidiary company					Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above		Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	
12.02	Bùi Thu Hà		Tổng giám đốc công ty con/ Subsidiary company's general director					Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above		Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	
13	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường/ <i>Song Hong – Xuan Truong Garment Joint Stock Company</i>		Công ty con/ Subsidiary company, Tổ chức có liên quan của CT HĐQT/ <i>Affiliated company of the</i>					22/01/2022 <i>January 01,2022</i>		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
			<i>Chairman of the Board</i>									
13.01	Bùi Đức Thịnh		Người đại diện theo pháp luật của Công ty con/ Legal representative of Subsidiary company					Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above		Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	
13.02	Bùi Thu Hà		Tổng giám đốc công ty con/ Subsidiary company's general director					Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above		Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	
14	Công ty CP Sông Hồng BSS Logistics/ <i>Song Hong BSS Logistics Joint Stock Company</i>		Công ty con/ Subsidiary company, Tổ chức có liên quan của CT HĐQT/ <i>Affiliated company of the Chairman of the</i>					2023		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ/quan hệ (nếu có) Position/relationship at the Company (if any)/Relationship	Số NSH NSH No. *	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) Date of issue (day/month/year)	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) Time of starting to be affiliated person (day/month/year)	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) Time of ending to be affiliated person (day/month/year)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) Number of shares owned at the end of the period (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) Percent age of share ownership at the end of the period (*)	Lý do/ Ghi chú Reason/Note
			Board									
14.01	Bùi Việt Quang		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board					Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above		Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	Thông tin đã nêu ở trên/ The information mentioned above	
15	Nguyễn Thị Thanh Nhân		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0	Bổ nhiệm/ Appointment
15.01	Nguyễn Thị Trinh		Mẹ đẻ/ Mother					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
15.02	Nguyễn Thị Bích Thủy		Chị gái/ Older Sister					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
15.03	Nguyễn Ngọc Sơn		Anh trai/ Older Brother					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percentage of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
15.04	Nguyễn Thị Thúy		Chị dâu/ Older sister in law					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
15.05	Nguyễn Ngọc Long		Anh trai/ Older Brother					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
15.06	Cao Thị Bích Hòa		Chị dâu/ Older sister in law					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
15.07	Nguyễn Ngọc Hà		Anh trai/ Older Brother					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
15.08	Trần Gia Linh		Con gái/ Daughter					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
15.09	Trần Minh Quân		Con trai/ Son					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16	Nguyễn Ngọc Khuyển		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director					01/06/2026/ June 01, 2026		23.012	0,02%	Bổ nhiệm/ Appointment
16.01	Nguyễn Công Khái		Bố đẻ/ Father					01/06/2026/ June 01,		0	0%	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ/quan hệ (nếu có) <i>Position/relationship at the Company (if any)/Relationship</i>	Số NSH <i>NSH No. *</i>	Ngày cấp (ngày/tháng/năm) <i>Date of issue (day/month/year)</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of starting to be affiliated person (day/month/year)</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan (ngày/tháng/năm) <i>Time of ending to be affiliated person (day/month/year)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*) <i>Number of shares owned at the end of the period (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (*) <i>Percent age of share ownership at the end of the period (*)</i>	Lý do/ Ghi chú <i>Reason/Note</i>
								2026				
16.02	Trần Thị Hà		Vợ/Wife					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16.03	Nguyễn Ngọc Linh		Con gái/ Daughter					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16.04	Nguyễn Hoàng		Con rể/Son in law					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16.05	Nguyễn Ngọc Linh Chi		Con gái/ Daughter					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16.06	Nguyễn Thành Đạt		Con trai/Son					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16.07	Nguyễn Thị Hoa		Em gái/ Younger sister					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16.08	Trần Trung Kiên		Em rể/ Brother in law					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16.09	Trần Văn Sơn		Bố vợ/ Father in law					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	
16.10	Trần Thị Gái		Mẹ vợ/ Mother in law					01/06/2026/ June 01, 2026		0	0%	

(*) Thông tin cung cấp trong trường hợp đối tượng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ./ *Information provided in case the subject is an insider and a related person of an insider of the Company.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Có/Yes*

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty/ <i>Time of transactions with the Company</i>	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có ghi rõ ngày ban hành)/ <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
1	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Nghĩa Hưng/ <i>Song Hong – Nghia Hung Garment Joint Stock Company</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months of 2026</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 <i>No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026</i>	1. Chi phí thuê gia công/ <i>Subcontracting cost</i> : 288.459.744.869 vnd 2. Giao dịch trả hộ tiền lương nhân viên/ <i>Employee salary payment on behalf of Song Hong – Nghia Hung Garment Joint Stock Company</i> : 1.107.324.487 vnd 3. Giao dịch thu lãi vay/ <i>Interest collection transaction</i> : 1.250.000.000 vnd 4. Góp vốn/ <i>Capital contribution</i> : 25.500.000.000 vnd 5. Trả hộ phí hội nghị tổng kết: 248.500.000 vnd	
2	Công ty Cổ phần May Sông Hồng – Xuân Trường/ <i>Song Hong – Xuan Truong Garment Joint Stock Company</i>	Công ty con/ <i>Subsidiary</i>			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months of 2026</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 <i>No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026</i>	1. Doanh thu cho thuê máy/ <i>Revenue from machinery leasing</i> : 633.000.000 vnd 2. Chi phí thuê gia công/ <i>Subcontracting cost</i> : 228.085.848.308 vnd 3. Trả vay vốn/ <i>Loan repayment</i> : 40.000.000.000 vnd	

							4. Trả hộ tiền lương nhân viên/ <i>Employee salary payment on behalf of Song Hong – Xuan Truong Garment Joint Stock Company:</i> 2.347.984.553 vnd 5. Lãi vay phải thu/ <i>Loan interest receivable:</i> 1.239.726.027 vnd 6. Cho vay vốn/ <i>Loan disbursement:</i> 40.000.000.000 vnd 7. Trả hộ phí hội nghị tổng kết/ <i>Payment of year-end conference expenses:</i> 345.500.000 vnd	
3	Công ty CP Sông Hồng BSS Logistics/ <i>Song Hong BSS Logistics Joint Stock Company</i>	Công ty con/Subsidiary			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months of 2026</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026	1. Giao dịch chi phí thuê dịch vụ vận chuyển/ <i>Transportation service fee transaction:</i> 8.831.063.816 vnd 2. Doanh thu dịch vụ vận chuyển/ <i>Transportation service revenue:</i> 3.130.308 vnd	
4	Công ty Sản xuất Trang phục Golden Avenue/ <i>Golden Avenue Apparel Manufacturing Company</i>	Công ty liên doanh, liên kết/ <i>Joint venture Company</i>			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months of 2026</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026	1. Rút vốn/ <i>Capital withdrawal:</i> 10.495.574.412 vnd	
5	Công ty CP Phụ liệu May Sông Hồng/ <i>Song Hong Garment Accessories Joint Stock Company</i>	Công ty liên doanh, liên kết/ <i>Joint venture Company</i>			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months of 2026</i>	Số 110/2025/NQ/HĐ QT-MSH ngày 28/10/2025/ No. 110/2025/NQ/HĐ QT-MSH dated October 28, 2025	1. Mua nguyên vật liệu/ <i>Purchase of raw materials:</i> 271.229.575 vnd 2. Doanh thu cho thuê xưởng/ <i>Workshop rental revenue:</i> 671.944.032 vnd 3. Doanh thu tiền điện/ <i>Electricity revenue:</i> 31.426.785 vnd	
6	Công ty CP Chứng khoán FPT/FPT	Công ty có chung Thành viên Hội Đồng Quản			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026	1. Phí tư vấn/ <i>Consulting fee:</i> 270.000.000 vnd 2. Chia cổ tức/ <i>Dividends payment:</i>	

	Securities Joint Stock Company	trị/Ban lãnh đạo/ Companies sharing members of the Board of Directors/Manag ement Board			of 2026	No. 01/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026	12.000.000.000 vnd	
7	Bùi Đức Thịnh Mr. Bui Duc Thinh	Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board			6 tháng đầu năm 2026 First 6 months of 2026	Số 01/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 No. 21/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026	1. Nhận lương 6 tháng đầu năm 2026. Tổng số tiền/ Received salary at first 6 months of 2026. Total amount: 798.448.444 vnd 2. Chia cổ tức/ Dividends payment: 26.901.180.000 vnd	
8	Bùi Việt Quang Mr. Bui Viet Quang	Phó CT thường trực HĐQT, Phó TGD/ Standing Vice Chairman of the Board of Directors, Deputy General Director			6 tháng đầu năm 2026 First 6 months of 2026	Số 01/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 No. 21/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026	1. Nhận lương 6 tháng đầu năm 2026. Tổng số tiền/ Received salary at first 6 months of 2026. Total amount: 1.164.598.702 vnd 2. Chia cổ tức/ Dividends payment: 638.442.000 vnd	
9	Lê Thị Hồng Yên Ms. Le Thi Hong Yen	Giám đốc tài chính/ TV HĐQT/ Member of the Board of Directors, CFO			6 tháng đầu năm 2026 First 6 months of 2026	Số 01/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 No. 21/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026	1. Nhận lương 6 tháng đầu năm 2026. Tổng số tiền/ Received salary at first 6 months of 2026. Total amount: 834.985.167 vnd 2. Chia cổ tức/ Dividends payment: 510.300.000 vnd	
10	Nguyễn Mạnh Tuông Mr. Nguyen Manh Tuong	TV HĐQT/ Member of the Board of Directors.			6 tháng đầu năm 2026 First 6 months of 2026	Số 01/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 No. 01/2026/NQ- ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026	1. Nhận lương 6 tháng đầu năm 2026. Tổng số tiền/ Received salary at first 6 months of 2026. Total amount: 770.882.325 vnd 2. Chia cổ tức/ Dividends payment: 2.100.000.000 vnd	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc ngày

								01/06/2026 <i>Dismissal from the position of Deputy General Director, effective June 1, 2026.</i>
11	Lignini Franck Marc	Tổng Giám đốc/ CEO			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months of 2026</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 <i>No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026</i>	Nhận lương 6 tháng đầu năm 2026. Tổng số tiền/ <i>Received salary at first 6 months of 2026. Total amount:</i> 250.200.000 vnd	
12	Nguyễn Thị Thanh Nhân Ms. Nguyen Thi Thanh Nhan	Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months of 2026</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 <i>No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026</i>	Nhận lương 6 tháng đầu năm 2026. Tổng số tiền/ <i>Received salary at first 6 months of 2026. Total amount:</i> 138.574.629	Bổ nhiệm ngày 01/06/2026 <i>Appointed on June 1, 2026</i>
13	Nguyễn Ngọc Khuyển <i>Mr. Nguyen Ngoc</i>	Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026	Nhận lương 6 tháng đầu năm 2026. Tổng số tiền/ <i>Received salary at first 6 months of 2026. Total amount:</i>	Bổ nhiệm ngày

	<i>Khuyen</i>				<i>of 2026</i>	<i>No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026</i>	138.624.629 vnd	01/06/2026 <i>Appointed on June 1, 2026</i>
14	Bùi Thu Hà <i>Ms. Bui Thu Ha</i>	TV HĐQT/ <i>Member of the Board of Directors</i>			6 tháng đầu năm 2026 <i>First 6 months of 2026</i>	Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH ngày 25/04/2026 <i>No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ/MSH dated April 25, 2026</i>	Chia cổ tức/ Dividends payment: 434.605.500 vnd	

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: **Không/None.***

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): **Như phần 2 mục VII/As part 2 of section VII***

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): **Như phần 2 mục VII/As part 2 of section VII***

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: **Không có/None***

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng đầu năm 2026)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (2026 semi-annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons* công ty: **Như phần 1 mục VII/As part 1 of section VII**
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*:

STT No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
1	Nguyễn Mạnh Trường Mr. Nguyen Manh Truong	Phó Tổng Giám đốc và TV HDQT/ Deputy General Director & Member of the Board of Directors	1.950.000	1.73%	2.094.400	1,86%	Mua/Buy

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/None

Nơi nhận:

- Sở GDCK TP Hồ Chí Minh
- Lưu CT

Recipients:

- Ho Chi Minh Stock Exchange;
- Archived: Company

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Sign, full name and seal)



BÙI ĐỨC THỊNH